

MỘT SỐ VƯỚNG MẮC TRONG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

Trịnh Diệp Ly¹

TÓM TẮT

Mô hình doanh nghiệp xã hội đã được phổ biến rộng rãi và phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới nhưng những năm gần đây, doanh nghiệp xã hội ngày càng được quan tâm, tạo điều kiện phát triển tại Việt Nam, nhất là khi khái niệm các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội được quy định cụ thể trong Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai thi hành Luật Doanh nghiệp 2014 thời gian qua cho thấy còn có sự khác nhau, vướng mắc trong việc tổ chức thực thi Luật ở các địa phương. Bài viết sẽ chỉ ra một số vướng mắc trong các quy định của pháp luật từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về doanh nghiệp xã hội.

Từ khóa: *Doanh nghiệp xã hội, pháp luật Việt Nam.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Doanh nghiệp xã hội là một mô hình “vì xã hội”, là nhân tố quan trọng trong việc san sẻ gánh nặng an sinh xã hội cho Nhà nước, góp phần giúp đất nước phát triển bền vững. Do đó, để tạo môi trường cho mô hình này phát triển, việc thiết lập hệ thống pháp luật về doanh nghiệp xã hội là cần thiết. Trên cơ sở học tập kinh nghiệm của các quốc gia khác, xuất phát từ tình hình thực tiễn tại Việt Nam, năm 2014, Luật Doanh nghiệp được ban hành, chính thức ghi nhận địa vị pháp lý của doanh nghiệp xã hội, xây dựng các quy định cụ thể về mô hình này, tạo cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp xã hội thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Tuy nhiên, là một mô hình mới được pháp luật đưa vào điều chỉnh nên khi áp dụng vào thực tiễn các quy định của pháp luật về doanh nghiệp xã hội không tránh khỏi hạn chế. Do đó, đòi hỏi cần phải nghiên cứu, chỉ ra các vướng mắc trong các quy định pháp luật, từ đó có những phương hướng giải pháp hoàn thiện khung pháp lý về doanh nghiệp xã hội nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về doanh nghiệp xã hội, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp xã hội phát triển.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái quát pháp luật về doanh nghiệp xã hội

2.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp xã hội

Trên thế giới, mô hình doanh nghiệp xã hội đã ra đời từ khá lâu và có lịch sử phát triển lên đến 4 thế kỷ. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có một quan điểm thống nhất về doanh nghiệp xã hội, mỗi quốc gia, mỗi tổ chức lại có cách định nghĩa khác nhau về khái niệm này. Ở Anh, tại Chiến lược phát triển doanh nghiệp xã hội năm 2002 đã định nghĩa: “Doanh nghiệp xã hội là một mô hình kinh doanh được thành lập nhằm thực hiện các mục

¹Khoa Lý luận Chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức

tiêu xã hội, và sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư cho mục tiêu đó hoặc cho cộng đồng, thay vì tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông hoặc chủ sở hữu” [8; tr.56-64]. Trong khi đó, Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) lại phát triển và định nghĩa doanh nghiệp xã hội như sau: “Doanh nghiệp xã hội là những tổ chức hoạt động dưới nhiều hình thức pháp lý khác nhau, vận dụng tinh thần doanh nhân nhằm theo đuổi cùng lúc cả hai mục tiêu xã hội và kinh tế. Doanh nghiệp xã hội thường cung cấp các dịch vụ xã hội và việc làm cho các nhóm yếu thế ở cả thành thị và nông thôn. Ngoài ra, doanh nghiệp xã hội còn cung cấp các dịch vụ cộng đồng, trên các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, môi trường” [7; tr.4]. Ngay tại Việt Nam, hiện nay vẫn còn tồn tại các luồng quan điểm xung quanh khái niệm doanh nghiệp xã hội. Theo nghĩa rộng, xác định “Doanh nghiệp xã hội là một mô hình kinh doanh, đem lại lợi nhuận, bên ngoài hoạt động như doanh nghiệp truyền thống khác, chỉ yêu cầu một điều kiện duy nhất là đặt sứ mệnh xã hội ở vị trí trung tâm, trong khi mục tiêu lợi nhuận đóng vai trò hỗ trợ” [7; tr.5]. Ngược lại, hiểu theo nghĩa hẹp, doanh nghiệp xã hội là doanh nghiệp có mục tiêu, sứ mệnh hoạt động vì xã hội nên “Doanh nghiệp xã hội phải đăng ký dưới hình thức công ty, cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp khác” [7; tr.5].

Luật Doanh nghiệp 2014 không đưa ra định nghĩa về doanh nghiệp xã hội mà đưa ra các tiêu chí xác định doanh nghiệp xã hội tại Khoản 1 Điều 10, theo đó “doanh nghiệp xã hội phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- a) Là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật này;
- b) Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng;
- c) Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký.

Như vậy, dựa trên các tiêu chí này thì có thể thấy doanh nghiệp xã hội có một số đặc điểm cơ bản như sau: (i) Doanh nghiệp xã hội luôn coi mục tiêu xã hội là mục tiêu hàng đầu, (ii) Doanh nghiệp xã hội phải có hoạt động kinh doanh, (iii) Doanh nghiệp xã hội phải thực hiện tái phân phối lợi nhuận. Trên cơ sở những phân tích trên, có thể hiểu về doanh nghiệp xã hội như sau: “Doanh nghiệp xã hội là một mô hình kinh doanh thực hiện cả hai mục tiêu xã hội và kinh tế. Trong đó mục tiêu xã hội là mục tiêu cao nhất, phần lớn lợi nhuận phải được sử dụng để tái đầu tư cho mục tiêu xã hội đó hoặc cho cộng đồng, thay vì tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông hoặc chủ sở hữu”.

2.1.2. Các quy định của pháp luật về doanh nghiệp xã hội

Hiện nay, hệ thống pháp luật của các quốc gia không hoàn toàn giống nhau và quan điểm của mỗi quốc gia về doanh nghiệp xã hội là khác nhau nên việc xây dựng pháp luật điều chỉnh doanh nghiệp xã hội cũng khác nhau. Có quốc gia xây dựng pháp luật doanh nghiệp xã hội như một bộ phận của pháp luật doanh nghiệp thông thường (Anh, Italia) nhưng cũng có quốc gia xác định pháp luật về doanh nghiệp xã hội là một bộ phận độc lập nên xây dựng pháp luật về doanh nghiệp xã hội dưới một đạo luật riêng (Hàn Quốc, Phần Lan).

Ở Việt Nam, pháp luật về doanh nghiệp xã hội là một bộ phận của pháp luật doanh nghiệp, bao gồm những nhóm quy phạm pháp luật sau:

Một là, các quy định về đặc trưng pháp lý của doanh nghiệp xã hội. Nó xác định rõ những đặc điểm của doanh nghiệp xã hội để phân biệt với các mô hình khác, xác định phạm vi, đối tượng điều chỉnh.

Hai là, các quy định về hình thức pháp lý của doanh nghiệp xã hội. Hình thức pháp lý của doanh nghiệp xã hội là cách thức tổ chức theo quy định của pháp luật.

Ba là, các quy định về thành lập, tổ chức và chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp xã hội. Pháp luật quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức cũng như chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp xã hội.

Bốn là, các quy định về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội. Các quy định này xác định các quyền mà doanh nghiệp xã hội được hưởng, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ để tạo điều kiện cho doanh nghiệp xã hội tham gia vào các mối quan hệ, tồn tại và phát triển. Đồng thời, quy định các nghĩa vụ mà doanh nghiệp xã hội phải thực hiện với các chủ thể khác để đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp xã hội không xâm hại đến quyền lợi hợp pháp của các chủ thể đó, không xâm hại đến quyền lợi của Nhà nước.

Năm là, các quy định về kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp xã hội.

Các nội dung này chủ yếu được quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2014. Bên cạnh đó còn được quy định trong các văn bản pháp luật như Nghị định số 96/2015/NĐ-CP để quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 96/2015/NĐ-CP); Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT quy định về các Biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định 96/2015/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT). Ngoài ra, để hướng dẫn các quy định chung khác của Luật Doanh nghiệp 2014, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành một số văn bản hướng dẫn khác như Nghị định của Chính phủ số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 về Đăng ký doanh nghiệp, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư Hướng dẫn về Đăng ký doanh nghiệp hay Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/06/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch đầu tư.

2.2. Thực trạng pháp luật về doanh nghiệp xã hội

2.2.1. Thực trạng các quy định về đặc trưng pháp lý của doanh nghiệp xã hội

Luật Doanh nghiệp 2014 khẳng định “doanh nghiệp xã hội là doanh nghiệp”, điều đó có nghĩa, một doanh nghiệp xã hội trước hết phải đảm bảo đáp ứng các đặc điểm của doanh nghiệp. Trong khi đó, “doanh nghiệp” được hiểu là “tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng kí thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh”² “Kinh doanh” là việc “thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi”³. Như vậy, mục đích sinh lợi là đặc điểm nổi bật để phân biệt giữa doanh nghiệp và tổ chức nói chung. Mục đích này đã được đặt ra khi các nhà đầu tư có ý tưởng thành lập doanh nghiệp, là yếu tố căn bản, quyết định đến sự ra đời và hoạt động của doanh nghiệp, “một thuộc tính không thể tách rời của doanh nghiệp” [2; tr.31-36] và là “đích cuối cùng của các nhà kinh doanh” [2; tr.31-36]. Đến đây có thể thấy rõ, với quan điểm về “doanh nghiệp” và “kinh doanh” như trên nếu áp dụng vào doanh nghiệp xã hội sẽ không phù hợp với bản chất của mô hình này. Bởi đối với doanh nghiệp xã hội, ngay từ trong ý tưởng thành lập cho đến khi thành

²Xem tại: Khoản 7 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014

³Xem tại: Khoản 16 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014

lập và xuyên suốt quá trình hoạt động, các nhà sáng lập luôn xác định mục tiêu cao nhất là giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng. Tuy là một mô hình có thực hiện hoạt động kinh doanh và có thể sinh lợi, nhưng mục đích sinh lợi cho chủ sở hữu không phải là mục đích cuối cùng của doanh nghiệp xã hội, nếu có lợi nhuận thì lợi nhuận thu được phải được tái đầu tư, phân phối cho việc thực hiện mục tiêu xã hội nói trên.

Hiện nay, doanh nghiệp xã hội còn hay bị nhầm lẫn với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Corporate Social Responsibilities - CSR). Tuy nhiên, cả về lý thuyết và thực tiễn, hai khái niệm này là khác nhau. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) là “một phong trào tự vận động, tự nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp để ràng buộc các hoạt động kinh doanh của mình theo các tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh” [7; tr.16]. Bất kỳ doanh nghiệp nào cũng đều phải có CSR và các doanh nghiệp cam kết CSR vẫn có thể là những doanh nghiệp thông thường, nên có những trường hợp thực hiện CSR nhưng mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận vẫn là chủ đạo, những tác động xã hội khi thực hiện CSR không phải là mục tiêu cao nhất mà là cách ứng xử mang tính nghĩa vụ đối với cộng đồng, với các chủ thể, đối tượng có liên quan. Còn doanh nghiệp xã hội lại là một mô hình kinh doanh, nhưng không vì lợi nhuận mà luôn hướng đến việc giải quyết các vấn đề xã hội. Mục tiêu xã hội là mục tiêu cao nhất, gắn liền và xuyên suốt trong quá trình tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp. Nói cách khác, trong khi doanh nghiệp xã hội là một mô hình kinh doanh vì xã hội thì CSR là cách ứng xử của doanh nghiệp nên rõ ràng không thể đồng nhất hai khái niệm này với nhau. Do đó, một doanh nghiệp thông thường dù thực hiện trách nhiệm xã hội cao đến đâu cũng không thể là doanh nghiệp xã hội bởi sự khác biệt rất rõ ràng về bản chất và mục đích của chủ sở hữu doanh nghiệp khi thành lập.

Mặt khác khái niệm “Doanh nghiệp xã hội là doanh nghiệp” còn dẫn đến tình trạng không đồng nhất trong hệ thống pháp luật. “Doanh nghiệp” được thành lập nhằm thực hiện chức năng kinh doanh với mục tiêu chính là tạo ra lợi nhuận cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp nên “doanh nghiệp” được Điều 75 Bộ luật Dân sự 2015 xếp vào nhóm pháp nhân thương mại⁴. Trong khi đó, doanh nghiệp xã hội lại có những đặc điểm phù hợp với quy định tại Điều 76 Bộ luật Dân sự 2015 - là một pháp nhân phi thương mại, “vẫn có thể tìm kiếm lợi nhuận nhưng đó không là mục tiêu chính và điều quan trọng là nếu có lợi nhuận thì không được chia cho các thành viên”. Như vậy, nếu xuất phát từ góc độ của Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp xã hội phải là pháp nhân thương mại, nhưng nếu xuất phát từ “Luật chung” Bộ luật Dân sự, thì doanh nghiệp xã hội lại thỏa mãn là pháp nhân phi thương mại. Điều này cho thấy với cách nhận diện trên của Luật Doanh nghiệp đã đưa đến sự mâu thuẫn giữa Luật Doanh nghiệp với Bộ luật Dân sự khi xác định tư cách pháp lý của doanh nghiệp xã hội, gây khó cho việc nghiên cứu cũng như quản lý.

2.2.2. Thực trạng quy định về đặt tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp là một trong những điều kiện quan trọng khi thành lập doanh nghiệp. Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP đã quy định, theo đó, ngoài việc phải tuân thủ các quy định về đặt tên của doanh nghiệp, pháp luật khuyến khích doanh nghiệp xã hội có thể bổ sung thêm cụm từ “xã hội” vào tên riêng của doanh nghiệp. Rõ

⁴Khoản 1, khoản 2 Điều 75 Bộ luật Dân sự 2015

ràng, quy định bổ sung cụm từ “xã hội” vào tên doanh nghiệp là quy định nhằm phân biệt doanh nghiệp xã hội với các loại hình khác ngay từ tên gọi, nhưng quy định này được xây dựng dưới dạng một quy phạm tùy nghi - tức việc có thêm cụm từ “xã hội” vào tên doanh nghiệp hay không là do ý chí của chủ doanh nghiệp - để đảm bảo quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp xã hội, pháp luật cho phép họ lựa chọn việc có hay không bổ sung cụm từ “xã hội” vào tên doanh nghiệp. Thế nhưng hiện nay, cả Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có quy định nào cấm hay hạn chế các doanh nghiệp thông thường sử dụng cụm từ “xã hội”, hệ quả là thực tế có thể sẽ tồn tại những nhà đầu tư lợi dụng các cụm từ này trong việc đặt tên cho doanh nghiệp của mình để Nhà nước, công chúng và đối tác nhầm lẫn về chủ thể nhằm kinh doanh không lành mạnh. Khi đó mục đích phân biệt các loại hình doanh nghiệp sẽ không được đảm bảo.

2.2.3. Thực trạng quy định về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp xã hội có mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng; Doanh nghiệp xã hội được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật. Ví dụ như: Chủ sở hữu doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp xã hội được xem xét, tạo thuận lợi và hỗ trợ trong việc cấp giấy phép, chứng chỉ và giấy chứng nhận có liên quan theo quy định của pháp luật; Quyền được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư: Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP quy định “Doanh nghiệp xã hội được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật”. Với quy định này, Nghị định số 96/2015/NĐ-CP chưa đưa ra hướng dẫn chi tiết về những ưu đãi, hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp xã hội mà xác định việc hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của doanh nghiệp xã hội phải căn cứ vào luật chuyên ngành. Tuy nhiên, thực trạng hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay còn thiếu tính đồng bộ, nhiều quy định của pháp luật chuyên ngành chưa kịp đổi mới hoặc không thống nhất với luật chung. Vậy nên, thực tế, những chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp xã hội chỉ dừng lại ở mức giống với doanh nghiệp thông thường, không có gì khác biệt. Theo đó, như mọi doanh nghiệp khác, khi tiến hành hoạt động kinh doanh những ngành nghề ưu đãi đầu tư hoặc tại những địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc có quy mô lớn... thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư, Doanh nghiệp xã hội sẽ được hưởng các ưu đãi đầu tư về thuế suất, thuế nhập khẩu và tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế đất theo quy định của pháp luật.

Luật Doanh nghiệp 2014 đã ghi nhận các doanh nghiệp xã hội có quyền được huy động và nhận tài trợ từ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác của Việt Nam, nước ngoài để bù đắp chi phí quản lý và hoạt động xã hội nhưng các tổ chức tài trợ, viện trợ (đặc biệt là các quỹ đầu tư) thường có những yêu cầu riêng chặt chẽ đối với các tổ chức, các dự án nhận viện trợ, yêu cầu phải thực hiện nhiều thủ tục để đảm bảo việc thực hiện dự án khả thi, mục tiêu xã hội đạt hiệu quả. Chẳng hạn, đối với Quỹ đầu tư Oxfarm, một trong những điều kiện để quỹ này xem xét đầu tư vào một doanh nghiệp xã hội là yêu cầu doanh nghiệp phải có doanh thu hàng năm từ 6 tỷ đồng trở lên và tỷ suất sinh lợi ổn định; hay Lotus Impact thì lại xem xét những yếu tố cơ bản như lịch sử doanh nghiệp, năng lực doanh nghiệp và tính khả thi của mô hình kinh doanh trước khi quyết định đầu tư [5] trong khi đó các doanh nghiệp xã hội ở nước ta phần lớn có quy mô vừa và nhỏ, 70% doanh nghiệp có

dưới 20 nhân viên, năng lực quản trị còn nhiều hạn chế nên khi làm hồ sơ đề nghị viện trợ, tài trợ thường không đáp ứng được các yêu cầu cao của các quỹ đầu tư.

Mặt khác, mặc dù trong những năm qua chúng ta luôn đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhưng vẫn thiếu một cơ sở hạ tầng đồng bộ, chưa có cơ chế nào để cập nhật, công khai các thông tin, yêu cầu của các tổ chức phi chính phủ hay các quỹ đầu tư một cách có hệ thống, thay vào đó các thông tin về các nguồn tài trợ, viện trợ lại tồn tại một cách riêng lẻ, vụn vặt. Do đó, các doanh nghiệp xã hội, nhất là những doanh nghiệp còn non trẻ rơi vào thế bị động khi nắm bắt thông tin, xây dựng kế hoạch, thường phải tự mình “boi”, huy động viện trợ nhưng bị từ chối vì không đạt yêu cầu và phải bắt đầu lại, rất tốn kém về mặt thời gian, nhân lực, do đó nguồn vốn của các doanh nghiệp xã hội chủ yếu là vốn của chủ sở hữu và lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh, vốn từ tài trợ, viện trợ chỉ chiếm một phần nhỏ.

Theo đánh giá của bà Phạm Kiều Oanh - Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ sáng kiến phục vụ cộng đồng CSIP, “Các doanh nghiệp xã hội rất khó huy động nguồn vốn vay ngân hàng vì không có tài sản, nhà xưởng thế chấp do phần lớn doanh nghiệp xã hội hoạt động ở quy mô nhỏ hoặc nếu có vay được thì lãi suất vay của ngân hàng cao hơn nhiều khả năng sinh lời của doanh nghiệp xã hội và do đặc thù nên thời gian hoàn vốn kéo dài hơn các dự án thông thường” [6]. Ở Việt Nam hiện nay, các tổ chức tín dụng chiếm số lượng lớn là ngân hàng thương mại, chỉ có một bộ phận nhỏ là những ngân hàng có mục đích hỗ trợ phát triển xã hội thuộc sở hữu nhà nước: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Agribank, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam VBSP. Nhưng, vì doanh nghiệp xã hội được xác định tư cách pháp lý là một doanh nghiệp nên dù có thực hiện hoạt động xã hội, khi thực hiện vay vốn ngân hàng, doanh nghiệp xã hội vẫn phải thực hiện theo cơ chế như một doanh nghiệp thông thường. Một số trường hợp có dự án hỗ trợ vay vốn ưu đãi, cấp vốn cho doanh nghiệp xã hội song điều kiện quá ngặt nghèo dẫn đến số lượng các dự án xã hội được duyệt cấp vốn là quá ít so với nhu cầu. Chẳng hạn, hiện nay Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa - Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang triển khai chương trình hỗ trợ đầu tư cơ bản cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa với nhiều lĩnh vực. Để được xem xét vay vốn từ quỹ, doanh nghiệp đều phải đáp ứng các yêu cầu bao gồm: phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa có thời gian hoạt động trên 02 năm kể từ khi đăng ký doanh nghiệp; phải đáp ứng tiêu chí tại Điều 6 Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT; đồng thời, phương án sản xuất kinh doanh vay vốn phải để đầu tư cơ bản phục vụ sản xuất [1]. Mặc dù phương án vay vốn rất hấp dẫn nhưng các doanh nghiệp xã hội mới được thành lập theo Luật Doanh nghiệp 2014 khó lòng đáp ứng.

2.3. Một số kiến nghị

Thứ nhất, các nhà làm luật cần xác định đặc trưng pháp lý của doanh nghiệp xã hội cho phù hợp với bản chất của doanh nghiệp xã hội thay vì xác định bản chất doanh nghiệp xã hội là doanh nghiệp, Việt Nam nên học tập quy định của nước Anh, xác định rõ doanh nghiệp xã hội không phải là doanh nghiệp mà là mô hình có thực hiện hoạt động kinh doanh.

Thứ hai, đối với quy định về đặt tên doanh nghiệp xã hội. Như đã phân tích ở phần trên, quy định về tên doanh nghiệp xã hội của pháp luật Việt Nam hiện hành tuy đã có định hướng để nhận diện doanh nghiệp xã hội, song chưa rõ ràng, chặt chẽ. Thiết nghĩ, để tránh gây nhầm lẫn, pháp luật nên quy định các doanh nghiệp xã hội có thể sử dụng cụm từ “xã

hội” hoặc “doanh nghiệp xã hội” khi đặt tên doanh nghiệp. Đồng thời quy định các doanh nghiệp thông thường, không đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội thì không được sử dụng cụm từ trên, nếu vi phạm thì cần bị xử phạt vi phạm.

Thứ ba, đối với các quy định về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội cần sửa đổi theo hướng tăng cường sự ưu đãi, hỗ trợ dành riêng cho doanh nghiệp xã hội. Nhà nước cần xem xét quy định thêm sự ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp xã hội như hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng lao động, hỗ trợ mua ưu đãi hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp xã hội từ các tổ chức công, có chính sách giảm hoặc miễn trừ thuế hoặc hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho các doanh nghiệp xã hội, chính quyền có thể cung cấp trợ cấp hoặc khoản vay khi mua đất, cho thuê đất... Cải thiện tiếp cận nguồn vốn tài chính và đa dạng hóa các hình thức đầu tư như: phát triển dịch vụ công, xây dựng Quỹ đầu tư mạo hiểm, Chương trình Đầu tư xã hội để cung cấp vốn và tăng khả năng thanh toán cho các tổ chức trung gian đầu tư và các doanh nghiệp xã hội, khuyến khích đầu tư vào doanh nghiệp xã hội, tập huấn về quản lý tài chính; tạo điều kiện hợp tác giữa doanh nghiệp xã hội với chính phủ.

3. KẾT LUẬN

Doanh nghiệp xã hội là một mô hình kinh doanh thực hiện cả hai mục tiêu xã hội và kinh tế, trong đó mục tiêu xã hội là mục tiêu cao nhất, lợi nhuận được sử dụng để tái đầu tư cho mục tiêu xã hội đó hoặc cho cộng đồng, thay vì tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông hoặc chủ sở hữu. Với mục tiêu cao cả của mình, doanh nghiệp xã hội có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy xã hội phát triển, bảo đảm phát triển bền vững. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp xã hội là cần thiết để tạo dựng môi trường pháp lý cho mô hình này hoạt động và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thúy Hiền (2017), *Tiếp tục hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa*, tại địa chỉ: <http://www.baomoi.com/tiep-tuc-ho-tro-tai-chinh-doi-voi-doanh-nghiep-nho-va-vua/c/21760272.epi>, ngày truy cập 25/7/2019.
- [2] Vũ Thị Hòa Như (2015), *Hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về Doanh nghiệp xã hội*, Tạp chí Luật học, (03).
- [3] Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014*.
- [4] Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015*.
- [5] Đức Tâm (2015), *Doanh nghiệp xã hội thêm điều kiện hoạt động*, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, tại địa chỉ: <http://www.thesaigontimes.vn/125011/Doanh-nghiep-xa-hoi-them-dieu-kien-hoat-dong.html>, ngày truy cập 14/6/2019.
- [6] Thu Trang (2017), *Mở lối cho Doanh nghiệp xã hội phát triển*, Trung tâm Hỗ trợ Sáng kiến Phát triển Cộng đồng, Hà Nội. Tại địa chỉ: <http://csip.vn/chi-tiet/mo-loi-cho-doanh-nghiep-xa-hoi-phat-trien-72.html>.

- [7] Viện Nghiên cứu, Quản lý Kinh tế Trung ương CIEM (2016), *Điển hình Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*, Hội đồng Anh Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2016, tđđ chú thích 1, tr.4.
- [8] UK Government (2013), *A Guide to Legal Form for Social Enterprise*.

SOME PROBLEMS IN THE LAWS ON SOCIAL ENTERPRISES

Trinh Diep Ly

ABSTRACT

The model of social enterprises has been widely popularized and developed in many countries around the world, but in recent years, social enterprises have been increasingly paid attention to and promoted to develop in Vietnam, especially when the concept of rights and obligations of social enterprises is specified in the Enterprise Law 2014 and its instructional embedded documents. However, the actual implementation of the Enterprise Law 2014 shows that there are still differences and obstacles in organizing the implementation of the Law in localities. The article will point out some problems in the provisions of the law, thereby giving some suggestions to improve the law.

Keywords: *Social enterprises, Vietnamese law.*

* Ngày nộp bài: 27/11/2019; Ngày gửi phản biện: 9/1/2020; Ngày duyệt đăng: 4/3/2020